

Đề cương ôn tập môn công nghệ 11 học kỳ II
Năm học 2022 –2023

I/ Lý thuyết :

- Hãy nêu một số tính chất đặc trưng của vật liệu cơ khí? Kể tên một số loại vật liệu thông dụng trong ngành cơ khí là gì?
- Hãy nêu bản chất, ưu nhược điểm của phương pháp đúc, gia công bằng áp lực và hàn?
- Hãy nêu bản chất, quá trình hình thành phôi, chuyên động cắt, nhiệm vụ của dao cắt và vật liệu làm dao của gia công kim loại bằng cắt gọt?
- Nêu khái niệm và phân loại của máy tự động? rô bôt là gì? Hãy nêu một số ví dụ về sử dụng rô bôt?
- Dây chuyền tự động là gì? Máy tự động và dây chuyền tự động đem lại lợi ích gì cho con người?
- Hãy nêu các biện pháp đảm bảo sự phát triển bền vững trong sản xuất cơ khí? Nêu một số ví dụ về ô nhiễm môi trường do sản xuất cơ khí gây ra?
- Hãy nêu khái niệm, phân loại về động cơ đốt trong? Nêu các cơ cấu chính của động cơ xăng và động cơ điêzen?
- Nêu một số khái niệm cơ bản về động cơ đốt trong? Nguyên lý làm việc của động cơ xăng - điêzen 4 kì và động cơ xăng – điêzen 2 kì có những đặc điểm gì?
- Trình bày nhiệm vụ và cấu tạo của thân máy, nắp máy, pit tông, thanh truyền, trục khuỷu.
- Trình bày nhiệm vụ và phân loại của cơ cấu phân phối khí, hệ thống bôi trơn, hệ thống làm mát, hệ thống cung cấp nhiên liệu và không khí, hệ thống khởi động.
- Tác dụng của dầu bôi trơn là gì? Hãy cho biết nguyên nhân khiến dầu bôi trơn bị nóng lên khi động cơ làm việc.
- Trình bày cấu tạo của hệ thống làm mát bằng không khí và bằng nước? Có nên tháo yếm xe máy khi sử dụng không? Vì sao?
- Trình bày nguyên lý làm việc của hệ thống bôi trơn cưỡng bức, hệ thống làm mát bằng nước.
- Trình bày nhiệm vụ, phân loại của hệ thống cung cấp nhiên liệu và không khí trong động cơ xăng? Hãy cho biết sơ đồ khối hệ thống nhiên liệu dùng bộ chế hòa khí và hệ thống phun xăng? Bộ chế hòa khí có nhiệm vụ gì?
- Trình bày nhiệm vụ hệ thống và đặc điểm của sự hình thành hòa khí trong động cơ điêzen? Hãy cho biết sơ đồ khối hệ thống nhiên liệu động cơ điêzen?
- Hãy nêu nhiệm vụ và phân loại hệ thống đánh lửa, hệ thống khởi động?
- Hãy nêu vai trò, vị trí của động cơ đốt trong? Trình bày sơ đồ và nguyên tắc chung về ứng dụng động cơ đốt trong?
- Nêu đặc điểm và cách bố trí động cơ ở xe ô tô, xe máy, máy nông nghiệp?

II/ Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Tính chất cơ học của vật liệu cơ khí là:

- A. Độ bền, độ dẻo, độ cứng, độ dẫn điện.
B. Độ bền, độ dẫn điện, độ cứng.
C. Độ bền, độ dẻo, độ cứng.
D. Độ dẻo, độ cứng, độ giãn dài tương đối.

Câu 2: Tính chất đặc trưng biểu thị khả năng chống lại biến dạng dẻo hay phá hủy của vật liệu dưới tác dụng của ngoại lực là

- A. độ bền B. độ dẻo C. độ cứng D. độ dẫn điện.

Câu 3: Vật liệu compôzit là vật liệu được tạo thành từ những thành phần nào?

- A. Vật liệu nền để tăng độ bền và vật liệu cốt để liên kết các vật liệu nền.
B. Vật liệu cốt để tăng độ cứng và vật liệu nền để tăng độ dẻo.
C. Vật liệu cốt để tăng độ dẻo và vật liệu nền để liên kết các vật liệu cốt.
D. Vật liệu cốt để tăng độ bền và vật liệu nền để liên kết các vật liệu cốt.

Câu 4: Biểu thị khả năng chống lại biến dạng dẻo của lớp bề mặt vật liệu dưới tác dụng của ngoại lực là tính chất đặc trưng của

- A. độ bền B. độ dẻo C. độ cứng D. độ dẫn điện.

Câu 5: Sơ đồ truyền lực từ ĐCĐT tới các bánh xe chủ động của ô tô theo thứ tự nào sau đây:

- A. Động cơ - Ly hợp - Hộp số - Truyền lực các đăng - Bánh xe chủ động.
B. Động cơ - Ly hợp - Hộp số - Truyền lực các đăng - Truyền lực chính và bộ vi sai - Bánh xe chủ động.
C. Động cơ - Hộp số - Ly hợp - Truyền lực các đăng - Truyền lực chính và bộ vi sai - Bánh xe chủ động.
D. Động cơ - Hộp số - Ly hợp - Truyền lực các đăng - Bánh xe chủ động.

Câu 6: Khí gia công áp lực thì khối lượng và thành phần vật liệu:

- A. Không thay đổi B. Tăng lên C. Giảm xuống D. Thay đổi liên tục.

Câu 7: Độ giãn dài tương đối δ (%) đặc trưng cho

- A. độ bền kéo B. khả năng biến dạng dẻo C. độ bền nén D. độ giãn dài tương đối

Câu 8: Có mấy phương pháp chế tạo phôi:

- A. 6 B. 4 C. 5 D. 3.

Câu 9: Trong gia công bằng áp lực, có một phương pháp dễ cơ khí hóa, tự động hóa, gia công có độ chính xác cao về hình dạng và kích thước nên tiết kiệm được kinh phí gia công. Đó là phương pháp

- A. Đúc B. Dập thể tích C. Rèn tự do D. Hàn

Câu 10: Sơ đồ ứng dụng nào đúng với động cơ đốt trong?

- A. Động cơ đốt trong → Hệ thống truyền lực → Máy công tác.
B. Hệ thống truyền lực → Động cơ đốt trong → Máy công tác.
C. Động cơ đốt trong → Máy công tác → Hệ thống truyền lực.
D. Máy công tác → Hệ thống truyền lực → Động cơ đốt trong.

Câu 11: Dòng điện phóng đi theo hướng nào ở thời điểm đánh lửa trong hệ thống đánh lửa điện từ không tiếp điểm?

- A. Cực (+)C_T → Đ_{ĐK} → “Mát” → W₁ → Cực (-)C_T.
B. Cực (+)C_T → Đ_{ĐK} → “Mát” → W₁ → Cực (+)C_T.
C. Cực (-)C_T → Đ_{ĐK} → “Mát” → W₁ → Cực (+)C_T.
D. Cực (-)C_T → Đ_{ĐK} → “Mát” → W₁ → Cực (-)C_T.

Câu 12: Phôi là phân vật liệu

- A. dư ra trên bề mặt của sản phẩm. B. còn lại khi gia công cắt gọt kim loại và tạo ra thành phẩm.
C. bị lấy đi khi gia công cắt gọt kim loại. D. hao hụt trong quá trình gia công.

Câu 13: Gia công các loại ren trong và ren ngoài ở hai đầu của một ống nước bằng sắt người ta dùng phương pháp gia công:

- A. Hàn B. Rèn tự do C. Áp lực D. Tiện

- Câu 14:** Máy có thể thay đổi chương trình hoạt động một cách dễ dàng và chương trình điều khiển được số hóa là
A. máy tự động cứng. **B.** máy tự động mềm.
C. dây chuyền tự động **D.** người máy công nghiệp.
- Câu 15:** Đê cắt gọt kim loại, dao cắt phải đảm bảo yêu cầu. Độ cứng của bộ phận cắt phải
A. lớn hơn độ cứng của phôi. **B.** thấp hơn độ cứng của phôi.
C. bằng độ cứng của phôi. **D.** cao hơn độ cứng của phôi.
- Câu 16:** Cấu tạo động cơ đốt trong chạy bằng xăng gồm
A. ba cơ cấu, năm hệ thống **B.** hai cơ cấu, bốn hệ thống
C. ba cơ cấu, bốn hệ thống **D.** hai cơ cấu, năm hệ thống
- Câu 17:** Trên vỏ xylanh của động cơ xe máy thường ghi: 49,70, 97, 110, 125 cm³ (phân khối)... Đây chính là của động cơ xe máy.
A. thể tích công tác. **B.** thể tích toàn phần. **C.** khối lượng. **D.** thể tích buồng cháy.
- Câu 18:** Ti số nén (ϵ) của động cơ được tính bằng công thức
A. $\epsilon = \frac{V_{bc}}{V_{tp}}$ **B.** $\epsilon = V_{tp} - V_{bc}$ **C.** $\epsilon = \frac{V_{tp}}{V_{bc}}$ **D.** $\epsilon = V_{bc} - V_{tp}$
- Câu 19:** Một chu trình làm việc của động cơ gồm có
A. 2 quá trình **B.** 3 quá trình **C.** 4 quá trình **D.** 5 quá trình
- Câu 20:** Thể tích công tác được tính theo công thức:
A. $V_{ct} = \frac{\pi D S^2}{4}$ **B.** $V_{ct} = \frac{\pi D^2}{4}$ **C.** $V_{ct} = \frac{\pi D^2 S}{2}$ **D.** $V_{ct} = \frac{\pi D^2 S}{4}$
- Câu 21:** Kỳ sinh công trong Động cơ đốt trong điêzen 4 kì là kì:
A. Nạp **B.** Nén **C.** Cháy – Dẫn nở **D.** Thái
- Câu 22:** Đường kính của xi lanh là $D = 5\text{cm}$, quãng đường của 1 hành trình là 8 cm. Thể tích công tác là
A. 157cm^3 **B.** 150cm^3 **C.** 107cm^3 **D.** 100cm^3
- Câu 23:** Thể tích xi lanh giới hạn bởi nắp máy, xi lanh và đỉnh pit tông khi pit tông ở ĐCD là thể tích
A. nén (V_n) **B.** công tác (V_{ct}) **C.** buồng cháy (V_{bc}) **D.** toàn phần (V_{tp})
- Câu 24:** Động cơ đốt trong 4 kì, 2 kì được phân loại theo
A. cách chuyển động của pit tông **B.** sở thích người dùng
C. nhiên liệu **D.** số hành trình của pit tông thực hiện trong 1 chu trình
- Câu 25:** Ở động cơ xăng, bugi bật tia lửa điện chỉ xảy ra ở
A. trong kỳ nạp **B.** Đầu kì nén **C.** Cuối kỳ nén **D.** trong kì cháy dẫn nở.
- Câu 26:** Chi tiết nào dưới đây cùng với xi lanh và đỉnh pittông tạo thành buồng cháy động cơ:
A. Pittông **B.** Thanh truyền **C.** Nắp máy **D.** Thân xi lanh
- Câu 27:** Công thức mối quan hệ giữa hành trình pittông (S) với bán kính quay của trục khuỷu (R):
A. $S = 2R$ **B.** $S = 2.5R$ **C.** $S = R$ **D.** $S = 1.5R$
- Câu 28:** Chọn phát biểu **đúng**: Trong kỳ nạp của động cơ xăng đưa vào xi lanh động cơ là :
A. Xăng . **B.** Điêzen .
C. Hỗn hợp xăng và không khí . **D.** Không khí
- Câu 29:** . Hỗn hợp xăng - không khí vào xilanh nhiều hay ít do bộ phận nào?
A. Bướm gió **B.** Jiclo **C.** Bướm ga **D.** Phao xăng
- Câu 30:** Cuối kỳ nén ,trong động cơ điêzen :
A. Vòi phun phun dầu điêzen vào buồng cháy. **C.** Vòi phun phun xăng vào buồng cháy.
B. Bugi bật tia lửa điện đốt cháy nhiên liệu. **D.** Xu páp xả mở.
- Câu 31:** Các cánh tản nhiệt bao quanh thân xilanh và nắp máy của động cơ xe máy nhằm mục đích gì?
A. Tản nhiệt nhanh ra không khí. **B.** Tăng trọng lượng xe.
C. Tạo thẩm mỹ cho động cơ. **D.** Cân bằng xe.
- Câu 32:** Động cơ 4 kỳ là động cơ có :
A. Bốn kỳ làm việc .
B. Chu trình làm việc ứng với 4 hành trình của Pit tông.
C. Chu trình làm việc ứng với 2 hành trình của Pit tông.
D. Hai kỳ làm việc .
- Câu 33:** Cuối kỳ nén ,trong động cơ xăng :
A. Xu páp xả mở. **B.** Bugi bật tia lửa điện đốt cháy nhiên liệu.
C. Vòi phun phun dầu điêzen vào buồng cháy. **D.** Vòi phun phun xăng vào buồng cháy.
- Câu 34:** Ở kỳ nào trong các kỳ sau Pit tông chuyển động từ ĐCD đến ĐCT , 2 xu páp đều đóng :
A. Cháy dẫn nở . **B.** Nén khí. **C.** Thái khí . **D.** Nạp khí .
- Câu 35:** Động cơ đốt trong biến đổi :
A. Điện năng thành cơ năng. **B.** Cơ năng thành điện năng.
C. Nhiệt năng thành cơ năng. **D.** Cơ năng thành nhiệt năng.
- Câu 36:** Chọn phát biểu **đúng** : Trong kỳ nạp của động cơ điêzen đưa vào xi lanh động cơ là :
A. Xăng . **B.** Hỗn hợp xăng và không khí .
C. Không khí. **D.** Điêzen .
- Câu 37:** Ở kỳ nào trong các kỳ sau Pit tông chuyển động từ ĐCD đến ĐCT , 1 xu páp mở :
A. Nạp khí . **B.** Thái khí . **C.** Nén khí. **D.** Cháy dẫn nở .
- Câu 38:** Động cơ đốt trong được sử dụng trong thiết bị nào ?
A. Máy phát điện. **B.** Máy sấy. **C.** Tủ lạnh. **D.** Máy giặt.

- Câu 39:** Động cơ đốt trong có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân vì :
- A. Là nguồn động lực dùng phổ biến trong nhiều lĩnh vực.
 B. Gọn , nhẹ .
 C. Dễ sử dụng.
 D. Hiệu suất cao.
- Câu 40:** Cánh tản nhiệt, áo nước làm mát trong động cơ được lắp tại:
- A. Thân xi lanh. B. Thân xi lanh, nắp máy C. Thân pit tông D. bánh xe.
- Câu 41:** Tạo momen quay kéo máy công tác và dẫn động các cơ cấu và hệ thống của động cơ là nhiệm vụ của
- A. má khuỷu B. trục khuỷu C. pit tông D. thanh truyền.
- Câu 42:** Chạy xe máy một thời gian phải thay dầu bôi trơn phải thay vì lý do chính là
- A. bị cạn gần hết do nhiệt độ nóng bốc hơi B. bị đông đặc
 C. bị loãng do bôi trơn quá nhiều D. bị bẩn và độ nhớt bị giảm
- Câu 43:** Cơ cấu phân phối khí có nhiệm vụ đóng, mở các cửa nạp, cửa thải để động cơ thực hiện quá trình nạp khí mới vào xi lanh và thải khí đã cháy trong xi lanh ra ngoài.
- A. thường xuyên B. tùy ý C. theo yêu cầu người điều khiển D. đúng lúc
- Câu 44:** Có một câu sai khi nói về tác dụng của dầu bôi trơn là:
- A. bôi trơn các bề mặt ma sát. B. làm mát, tẩy rửa.
 C. bao kín và chống gỉ. D. làm nhiên liệu cho động cơ.
- Câu 45:** Phương pháp bôi trơn bằng pha dầu bôi trơn vào nhiên liệu áp dụng cho động cơ
- A. xăng 2 kì B. xăng 4 kì C. điêzen 2 kì D. điêzen 4 kì
- Câu 46:** Giữ cho nhiệt độ các chi tiết không vượt quá giới hạn cho phép là nhiệm vụ của hệ thống
- A. bôi trơn B. làm mát C. cơ cấu phân phối khí D. đánh lửa
- Câu 47:** Xe Honda(Dream) sử dụng làm mát chính bằng :
- A. Nước. B. Dầu. C. Không khí. D. Kết hợp giữa làm mát bằng dầu và không khí.
- Câu 48:** Trong các cách sau, hãy chỉ ra một cách không nằm trong hệ thống làm mát bằng nước đó là
- A. bốc hơi B. tuần hoàn cưỡng bức C. đối lưu tự nhiên D. vung té
- Câu 49:** Bộ chế hòa khí dùng cho động cơ chạy
- A. Xăng B. dầu C. cả xăng và dầu D. gas
- Câu 50:** Nhiên liệu và không khí trong hệ thống cung cấp nhiên liệu và không khí trong động cơ điêzen được hòa trộn trong
- A. vòi phun B. xi lanh C. bơm chuyên nhiên liệu D. bơm cao áp
- Câu 51:** Bộ phận quan trọng nhất trong hệ thống cung cấp nhiên liệu và không khí trong động cơ điêzen là
- A. vòi phun B. bầu lọc thô C. bơm chuyên nhiên liệu D. bơm cao áp
- Câu 52:** Hệ thống đánh lửa có nhiệm vụ tạo ra tia lửa điện để châm cháy hòa khí trong xi lanh động cơ đúng thời điểm
- A. cao áp xăng B. nhỏ xăng C. cao áp điêzen D. nhỏ điêzen
- Câu 53:** Hãy chọn câu sai khi nói về nhiệm vụ của hệ thống bôi trơn là
- A. làm mát và chống gỉ động cơ B. làm mát tiếng ồn của các bề mặt ma sát
 C. tăng tuổi thọ các chi tiết D. đưa dầu bôi trơn các bề mặt ma sát
- Câu 54:** Tác dụng của dầu bôi trơn là gì?
- A. Làm mát, bôi trơn.
 B. Tẩy rửa, bao kín.
 C. Bao kín, tẩy rửa, làm mát, bôi trơn.
 D. Bôi trơn, làm mát, tẩy rửa, bao kín, chống gỉ.
- Câu 55:** Dựa vào yếu tố nào để phân loại hệ thống làm mát bằng nước và bằng không khí?
- A. Nguyên lý hoạt động. B. Cách thức làm mát. C. Cấu tạo của hệ thống. D. Chất làm mát.
- Câu 56:** Hệ thống , cơ cấu nào sau đây giúp động cơ tự nổ máy :
- A. Hệ thống khởi động . B. Hệ thống đánh lửa .
 C. Hệ thống bôi trơn D. Hệ thống làm mát .
- Câu 57:** Hệ thống , cơ cấu nào sau đây giúp cung cấp hòa khí sạch vào xi lanh :
- A. Hệ thống bôi trơn . B. Hệ thống làm mát .
 C. Hệ thống cung cấp nhiên liệu và không khí . D. Hệ thống đánh lửa .
- Câu 58:** Nhiệm vụ của cơ cấu phân phối khí :
- A. Phân chia ,phối hợp khí và nhiên liệu đưa vào xi lanh động cơ.
 B. Cung cấp không khí cho động cơ.
 C. Hòa trộn nhiên liệu và không khí.
 D. Đóng hoặc mở cửa nạp ,cửa xả đúng lúc.
- Câu 59:** Hệ thống , cơ cấu nào sau đây giúp động cơ không tăng nhiệt độ quá mức cho phép :
- A. Hệ thống làm mát . B. Hệ thống đánh lửa . C. Hệ thống khởi động . D. Hệ thống bôi trơn
- Câu 60:** Hệ thống , cơ cấu nào sau đây giúp động cơ đốt cháy hòa khí :
- A. Hệ thống bôi trơn B. Hệ thống làm mát . C. Hệ thống khởi động . D. Hệ thống đánh lửa .
- Câu 61:** Động cơ sử dụng các cánh tản nhiệt để :
- A. Làm mát bằng không khí.
 B. Trang trí.
 C. Làm mát bằng không nước. D. Tiết kiệm vật liệu.
- Câu 62:** Hệ số dự trữ trong nguyên tắc ứng dụng ĐCĐT?
- A. K=0,5 đến 1,5 B. K=1,5 đến 1,7 C. K=1,05 đến 1,2 D. K=1,05 đến 1,5
- Câu 63:** Trong cơ cấu phân phối dùng xupap treo vấu cam sẽ tác động trực tiếp vào bộ phận nào?
- A. Đũa đẩy. B. Lò xo xupap. C. Trục cam. D. Con đội.
- Câu 64:** Chọn công suất động cơ đốt trong theo nguyên tắc :
- A. $N_{CT} = (N_{ĐC} + N_{TT})k$. B. $N_{ĐC} = (N_{CT} + N_{TT})k$. C. $N_{ĐC} = N_{CT}$. D. $N_{ĐC} = N_{CT} + N_{TT}$.
- Câu 65:** Chọn câu sai :Động cơ đốt trong dùng trong ô tô thường đặt ở :
- A. Đầu xe. B. Đuôi xe hoặc đầu xe C. Đuôi xe. D. Giữa xe.

- Câu 66:** Chọn câu *sai* :Đặc điểm động cơ đốt trong dùng trong ô tô :
- A. Làm mát bằng nước. B. Dùng động cơ Đizên.
C. Dùng động cơ xăng. D. Làm mát bằng không khí.
- Câu 67:** Động cơ đốt trong dùng trong ô tô ,khi đặt ở đuôi xe có ưu điểm :
- A. Hệ thống truyền lực đơn giản. B. Dễ chăm sóc bảo dưỡng.
C. Tầm quan sát hẹp. D. Dễ làm mát.
- Câu 68:** Hiện tượng mà người ta gọi "**cháy côn**" trong xe máy liên quan đến sự hư hỏng của bộ phận nào?
- A. Li hợp. B. Các đăng. C. Xích. D. Hộp số.
- Câu 69:** Xe "tay ga" là loại xe :
- A. Chỉ có ga. B. Chạy bằng gas. C. Số tự động. D. Không có số.
- Câu 70:** Hệ thống truyền lực trong loại máy nào sau đây sử dụng bộ vi sai :
- A. Máy phát điện. B. Xe ô tô. C. Máy kéo dùng xích. D. Xe máy.
- Câu 71:** Động cơ đốt trong dùng trong ô tô ,khi đặt trong buồng lái có ưu điểm :
- A. Tầm quan sát rộng. B. Hệ thống truyền lực đơn giản.
C. Tầm quan sát hẹp. D. Dễ chăm sóc bảo dưỡng.
- Câu 72:** Động cơ đốt trong dùng trong xe máy là :
- A. Động cơ xăng làm mát bằng nước. B. Động cơ đizên làm mát bằng không khí.
C. Động cơ xăng làm mát bằng không khí. D. Động cơ đizên làm mát bằng nước.
- Câu 73:** Động cơ đốt trong dùng trong ô tô ,khi đặt trước buồng lái có ưu điểm :
- A. Tầm quan sát rộng. B. Hệ thống truyền lực đơn giản.
C. Tầm quan sát hẹp. D. Dễ chăm sóc bảo dưỡng.
- Câu 74:** Chọn câu *sai* :Động cơ đốt trong dùng trong xe máy thường đặt ở :
- A. Giữa xe. B. Đuôi xe. C. Đầu xe. D. Đuôi xe hoặc giữa xe.
- Câu 75:** Đặc điểm nào sau đây chỉ có trong động cơ đốt trong dùng cho máy nông nghiệp :
- A. Tốc độ quay cao. B. Làm mát bằng nước. C. Hệ số dự trữ lớn. D. Công suất nhỏ.
- Câu 76:** Độ đàn dài trong đời càng lớn thì tính chất nào của vật liệu thay đổi?
- A. Độ bền kéo càng thấp. B. Độ dẻo càng thấp.
C. Độ dẻo càng cao. D. Độ bền nén càng cao.
- Câu 77:** Vật đúc sử dụng ngay được gọi là gì?
- A. Chi tiết. B. Phôi. C. Chi tiết đúc. D. Phôi.
- Câu 78:** Cơ cấu phân phối khí được chia làm mấy loại?
- A. Cơ cấu phân phối khí dùng xupap và cơ cấu phân phối khí dùng van trượt.
B. Cơ cấu phân phối khí dùng xupap đặt và cơ cấu phân phối khí dùng van trượt.
C. Cơ cấu phân phối khí dùng xupap treo và cơ cấu phân phối khí dùng van trượt.
D. Cơ cấu phân phối khí dùng đặt và cơ cấu phân phối khí dùng xupap treo.
- Câu 79:** Phương pháp gia công tiện có công dụng là gì?
- A. Cắt đứt phôi kim loại.
B. Tạo lỗ trụ tròn trên phôi kim loại.
C. Gia công được các mặt trong và ngoài ren.
D. Gia công được các mặt tròn xoay ngoài và trong, các mặt đầu, các mặt côn ngoài và trong, các mặt tròn xoay định hình, các loại ren ngoài và ren trong.
- Câu 80:** Robot là gì?
- A. Là thiết bị hỗ trợ con người trong xử lý thông tin.
B. Là thiết bị tự động sản xuất theo lập trình.
C. Là thiết bị tự động làm việc theo lập trình.
D. Là thiết bị tự động đa chức năng hoạt động theo chương trình nhằm phục vụ tự động hóa các quá trình sản xuất.
- Câu 81:** Khi phân loại động cơ đốt trong theo hành trình của pit-tông thì động cơ đốt trong có những loại nào?
- A. Động cơ 2 kì, động cơ 3 kì. B. Động cơ 2 kì, động cơ 4 kì.
C. Động cơ 2 kì, động cơ 6 kì. D. Động cơ 1 kì, động cơ 4 kì.
- Câu 82:** Hệ thống nào **không** có trong động cơ đizên?
- A. Hệ thống bôi trơn. B. Hệ thống đánh lửa.
C. Hệ thống làm mát. D. Hệ thống khởi động.
- Câu 83:** Trên thân xilanh của động cơ làm mát bằng không khí có cấu tạo gì đặc biệt?
- A. Cánh tản nhiệt. C. Các tấm hướng gió.
B. Các khoang chứa nước. D. Vỏ bọc, quạt gió.
- Câu 84:** Ở động cơ xăng 2 kì, khi cửa nạp mở thì hòa khí sẽ được nạp vào đâu?
- A. Buồng đốt. B. Nắp xilanh. C. Xilanh. D. Cacte.
- Câu 85:** Trong nguyên lí làm việc của động cơ 4 kì, kì nào cả 2 xupap đều đóng?
- A. Kì nén, kì thải. C. Kì cháy – dẫn nở, kì thải.
B. Kì nén, kì cháy – dẫn nở. D. Kì nạp, kì cháy – dẫn nở.
- Câu 86:** Đầu pit-tông có rãnh để làm gì?
- A. Lắp các xec-măng. B. Chứa muội than.
C. Chứa dầu bôi trơn. D. Tăng độ cứng vững.
- Câu 87:** Khi phân loại hệ thống bôi trơn theo phương pháp bôi trơn thì có những loại nào?
- A. 3 loại: vung té, pha dầu nhớt vào nhiên liệu, cưỡng bức.
B. 2 loại: vung té, cưỡng bức.
C. 4 loại: vung té, pha dầu nhớt vào nhiên liệu, cưỡng bức, bốc hơi.
D. 3 loại: vung té, pha dầu nhớt vào nhiên liệu, bốc hơi.

Duyệt của Ban Giám Hiệu